

BỘ LƯU ĐIỆN ONLINE

Online UPS

HP3116C PLUS 1KT / 1KT XL



Mặt trước

Front view

CÔNG SUẤT

Capacity

1 kVA / 1 kW

Kiểu DÁNG

Configuration

Tower

CÔNG NGHỆ

Technology

Chuyển đổi kép

Double conversion

PF 1.0

HỆ SỐ CÔNG SUẤT

Output power factor

0 ms

THỜI GIAN CHUYỂN MẠCH

Transfer time

≥ 0.99

HỆ SỐ CÔNG SUẤT VÀO

Input power factor

1KT

Ắc quy tích hợp: 2 × 12 V 9 Ah

Built-in batteries: 2 × 12 V 9 Ah

Dòng sạc: 1-2 A, điều chỉnh

Charge current: 1-2 A, adjustable

1KT XL

Ắc quy ngoài: 36 VDC / 3 bình

External batteries: 36 VDC / 3 units

Dòng sạc: 1-12 A, điều chỉnh

Charge current: 1-12 A, adjustable

ỨNG DỤNG

Applications



Trung tâm dữ liệu

Data center



Trung tâm dữ liệu mini

Mini data center



UPS viễn thông

Telecom UPS



Nguồn điện trọng yếu

Critical power



Giám sát giao thông

Traffic monitoring



Sân bay

Airport

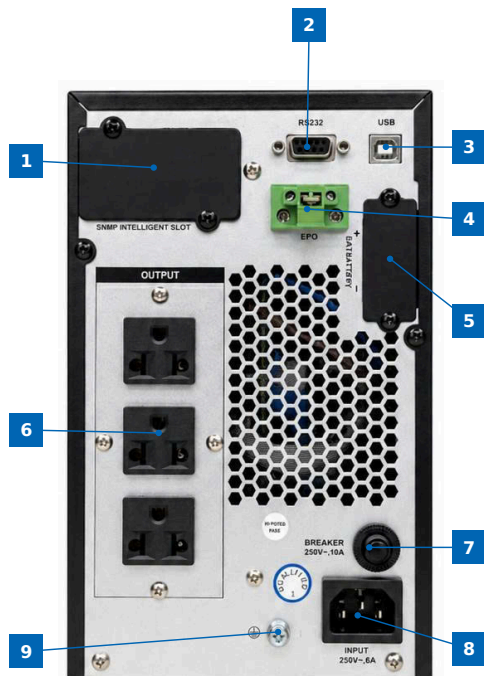
PHIÊN BẢN Ổ CẮM & KẾT NỐI

Output outlet options & rear connections

HP3116C PLUS 1KT

HP3116C PLUS 1KT

HP3116C PLUS 1KT XL



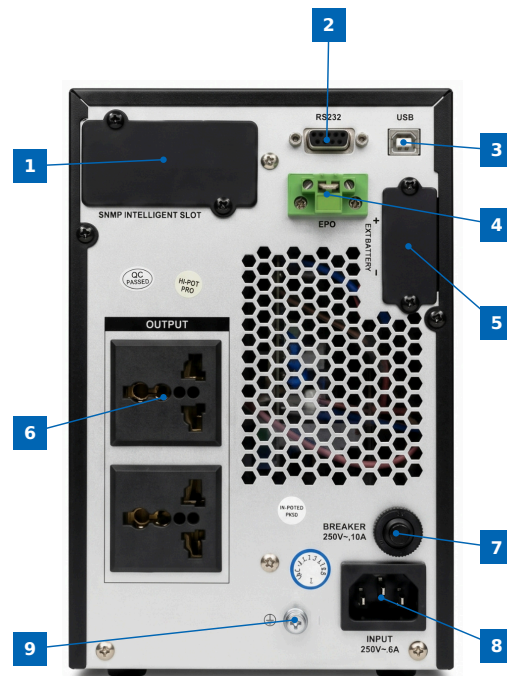
Phiên bản Universal

Universal outlet version



Phiên bản C13

C13 outlet version - illustration



Phiên bản Universal

Universal outlet version

HP3116C PLUS 1KT

- 1 Khe card SNMP (có nắp)
SNMP card slot (covered)
- 2 Cổng RS232
RS232 port
- 3 Cổng USB
USB port
- 4 Cổng tắt khẩn cấp EPO
Emergency Power Off
- 5 Nắp vị trí EXTBATTERY
External-battery connection cover
- 6 3 ổ cắm đầu ra Universal
3 Universal output outlets
- 7 Bộ ngắt mạch BREAKER
Circuit breaker
- 8 Đầu nối nguồn vào INPUT
AC input connector
- 9 Điểm nối đất
Grounding point

HP3116C PLUS 1KT XL

- 1 Khe card SNMP (có nắp)
SNMP card slot (covered)
- 2 Cổng RS232
RS232 port
- 3 Cổng USB
USB port
- 4 Cổng tắt khẩn cấp EPO
Emergency Power Off
- 5 Nắp vị trí EXTBATTERY
External-battery connection cover
- 6 2 ổ cắm đầu ra Universal
2 Universal output outlets
- 7 Bộ ngắt mạch BREAKER
Circuit breaker
- 8 Đầu nối nguồn vào INPUT
AC input connector
- 9 Điểm nối đất
Grounding point

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Technical specifications

THÔNG SỐ / PARAMETER	HP3116C PLUS 1KT	HP3116C PLUS 1KT XL
TỔNG QUAN / GENERAL		
Công nghệ UPS UPS Topology	Chuyển đổi kép Double-conversion UPS	
Công nghệ tiết kiệm năng lượng Energy Saving Technology	Hiệu suất ECO online > 97% Online ECO Mode Efficiency > 97%	
Tương thích PFC chủ động Active PFC Compatibility	Có Yes	
KIỂU DÁNG / PHYSICAL		
Kiểu lắp đặt Form Factor	Tower	
ĐẦU VÀO / INPUT		
Tương thích máy phát điện Generator Compatibility	Có Yes	
Điện áp đầu vào danh định Nominal Input Voltage	220/230VAC	
Dải điện áp đầu vào Input Voltage Range	110~300VAC; 110~176VAC; 276~300VAC (giảm công suất) 110~300VAC; 110~176VAC; 276~300VAC (power derating)	
Tần số đầu vào Input Frequency	50/60Hz ± 6Hz	
Nhận diện tần số đầu vào Input Frequency Detection	Có Yes	
Hệ số công suất đầu vào Input Power Factor	≥ 0.99	
Đầu nối nguồn vào Input Connector Type	IEC C14	
ĐẦU RA / OUTPUT		
Công suất Capacity	1KVA/1KW	
Dạng sóng Waveform	Sóng sin chuẩn Pure sine wave	
Điện áp đầu ra Voltage	208/220/230/240VAC ±1%	
Cài đặt điện áp đầu ra Output Voltage Setting	Có thể cài đặt Configurable	
Tần số đầu ra Frequency	50/60Hz ±0.1%	
Cài đặt tần số Frequency Setting	Có thể cài đặt Configurable	
Hệ số công suất đầu ra Power Factor	1	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TIẾP)

Technical specifications (continued)

THÔNG SỐ / PARAMETER	HP3116C PLUS 1KT		HP3116C PLUS 1KT XL
Bảo vệ quá tải Overload Protection	Giới hạn dòng bên trong, bộ ngắt mạch, cầu chì Internal Current Limiting, Circuit Breaker, Fuse		
Quá tải ở chế độ điện lưới Overload Protection (Line Mode)	102% ~ 110% tải: 30 phút, 110% ~ 130% tải: 10 phút, 130% ~ 150% tải: 30 giây, >150%: 200 ms 102% ~ 110% load: 30 minutes, 110% ~ 130% load: 10 minutes, 130% ~ 150% load: 30 seconds, >150%: 200 milliseconds		
Quá tải ở chế độ ắc quy Overload Protection (Battery Mode)	102% ~ 110% tải: 1 phút, 110% ~ 130% tải: 10 giây, 130% ~ 150% tải: 3 giây, >150% 200 ms 102% ~ 110% load: 1 minute, 110% ~ 130% load: 10 seconds, 130% ~ 150% load: 3 seconds, >150% 200 milliseconds		
Quá tải ở chế độ bypass Overload Protection (Bypass Mode)	>150% tải : Ngay lập tức >150% load : Immediately		
Độ méo hài - tải tuyến tính Harmonic Distortion (Linear Load)	THD<3%		
Độ méo hài - tải phi tuyến Harmonic Distortion (Non-linear Load)	THD<5%, PF=0.8		
Tổng số ổ cắm đầu ra Outlet(s) - Total	3	2	
Loại ổ cắm đầu ra Outlet Type	IEC Universal x 3	IEC Universal x 2	
Ổ lưu điện và bảo vệ chống xung Outlet (s) - Battery & Surge Protected	3	2	
Thời gian chuyển mạch Typical Transfer Time	0ms		
ẮC QUY / BATTERY			
Thông số ắc quy / điện áp DC Battery	12V9Ah	36VDC	
Số lượng ắc quy Battery quantity	2 bình 2 units	3 bình 3 units	
Thời gian lưu điện ở 50% tải Runtime at 50% load	9 phút 9 minutes	Phụ thuộc dung lượng ắc quy Depends on battery capacity	
Thời gian lưu điện ở 100% tải Runtime at 100% load	4 phút 4 minutes	Phụ thuộc dung lượng ắc quy Depends on battery capacity	
Thời gian sạc lại thông thường Typical Recharge Time	Đạt 90% dung lượng trong 2 đến 4 giờ Reaches 90% charge within 2 to 4 hours.		
Dòng sạc Charge Current	1A~2A,điều chỉnh 1A~2A,adjustable	1A~12A, điều chỉnh 1A~12A, adjustable	
Loại ắc quy Battery Type	Ắc quy axit chì kín khí, miễn bảo dưỡng Sealed lead-acid, maintenance-free battery		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TIẾP)

Technical specifications (continued)

THÔNG SỐ / PARAMETER	HP3116C PLUS 1KT	HP3116C PLUS 1KT XL
HIỆU SUẤT / EFFICIENCY		
Hiệu suất chế độ điện lưới AC mode	Đầy tải 94.5% - 220VAC Full load 94.5% - 220VAC	
Hiệu suất chế độ ắc quy DC mode	Đầy tải 89.5% 24VDC Full load 89.5% 24VDC	Đầy tải 89.5% 36VDC Full load 89.5% 36VDC
CHỐNG XUNG VÀ LỌC NHIỀU / SURGE & NOISE		
Năng lượng chống xung (J) Surge Suppression (Joules)	660	
Lọc nhiễu EMI/RFI EMI/RFI Filtration	Có Yes	
QUẢN LÝ VÀ GIAO TIẾP / COMMUNICATION		
Màn hình LCD LCD Panel	Tải, dung lượng ắc quy, chế độ điện lưới, chế độ ắc quy, chế độ bypass, chỉ báo lỗi Load, battery capacity, mains mode, battery mode, bypass mode, fault indication	
Cổng USB tương thích HID HID Compliant USB Port	1	
Cổng nối tiếp Serial Port	RS232	
Cổng tắt khẩn cấp EPO Emergency Power Off (EPO) Port	Có Yes	
Phần mềm quản lý nguồn Power Management Software	Có Yes	
Giám sát từ xa SNMP/HTTP SNMP/HTTP Remote Monitoring	Có, với card SNMP tùy chọn Yes, with optional SNMP card	
THÔNG SỐ VẬT LÝ / DIMENSIONS		
Kích thước UPS (D × W × H) UPS Dimensions (D*W*H)	295*144*222 ± 2% (mm)	290*145*222 ± 2% (mm)
Khối lượng UPS UPS Weight	9kg ± 2%	3.6kg ± 2%
MÔI TRƯỜNG / ENVIRONMENT		
Nhiệt độ hoạt động Operating Temperature	0-40°C	
Độ ẩm hoạt động Operating Relative Humidity	20-95% (Không ngưng tụ) 20-95% (Non-condensing)	
Độ ồn Noise level	<50db	
CHỨNG NHẬN / CERTIFICATIONS		
Chứng nhận Certifications*	CE-EMC, CE-LVD, EN/IEC 61000,EN/IEC 62040,GB/T4943,YD/T 1095,TLC etc.	